

**CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CỘNG ĐỒNG
KHU VỰC NÔNG THÔN
Tháng 7 năm 2010**

Đơn vị tính: %

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	CHỈ SỐ GIÁ THÁNG 7 NĂM 2010 SO VỚI				Bình quân 7 tháng đến năm 2010 so với 7 tháng đầu năm 2009
	Kỳ gốc năm 2009	Tháng 7 năm 2009	Tháng 12 năm 2009	Tháng 6 năm 2010	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	109,14	107,47	104,51	100,05	107,89
I, Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	109,57	108,61	105,64	100,18	108,26
1- Lương thực	107,79	107,88	100,42	98,82	109,76
2- Thực phẩm	109,56	108,88	107,14	100,53	107,70
3- Ăn uống ngoài gia đình	111,81	109,28	106,77	100,51	109,60
II, Đồ uống và thuốc lá	109,71	107,39	105,34	100,46	107,25
III, May mặc, mũ nón, giày dép	108,21	106,38	103,90	100,33	106,36
IV, Nhà ở và vật liệu xây dựng (*)	115,84	111,80	107,53	99,45	113,73
V, Thiệu b và đồ dùng gia đình	106,17	105,20	103,84	100,40	105,02
VI, Thu c và d ch v y t	103,09	103,09	102,16	100,24	103,25
VII, Giao thông	111,99	109,50	101,29	99,10	116,66
VIII, B u chính v i n thông	95,37	98,63	98,91	99,95	96,53
IX, Giáo d c	106,39	103,01	100,90	100,13	103,08
X, Văn hoá, gi i trí và du l ch	103,93	102,28	101,94	100,20	101,91
XI, Hàng hoá và d ch v khác	113,05	110,32	107,42	100,27	110,88

(*) Nhóm này bao gồm: tiền thuê nhà, điện, nước, chi phí đi lại và vật liệu xây dựng